

Số: 15 /2017/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 11 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến thương  
trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ tư quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí khuyến thương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 76/TTr-SCT ngày 11 tháng 8 năm 2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến thương trên địa bàn tỉnh Thái Bình”.

**Điều 2.** Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/8/2017.

Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến thương.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Giám đốc sở: Công Thương, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Thái Bình;
- Lưu: VT, CTXDGT, TH. *M*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Hồng Diên*

## QUY ĐỊNH

**Quản lý và sử dụng kinh phí khuyến thương**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số *15* /2017/QĐ-UBND ngày *11* /8/2017  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến thương, hỗ trợ phát triển thương mại dịch vụ của tỉnh Thái Bình.

2. Đối tượng áp dụng.

a) Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

b) Hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

c) Hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh theo Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

d) Các cơ quan quản lý, tổ chức chính trị xã hội; tổ chức xã hội nghề nghiệp; trung tâm xúc tiến thương mại; các đơn vị sự nghiệp, các trung tâm tư vấn phát triển và đào tạo nghiệp vụ thương mại, dịch vụ, các ban quản lý phát triển thương mại do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

#### **Điều 2. Nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến thương**

1. Quản lý, sử dụng kinh phí khuyến thương đúng mục đích, đúng chế độ và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng kinh phí khuyến thương chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

### Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### **Điều 3. Nội dung chi kinh phí khuyến thương**

1. Nghiên cứu xây dựng đề án, chiến lược phát triển thương mại, xuất nhập khẩu; nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; thu thập, xử lý, cung cấp thông tin; dự báo về giá cả hàng hóa, dịch vụ; dự báo cung, cầu vật tư nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ trong và ngoài nước.

2. Tuyên truyền, quảng bá sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý hàng hóa qua các phương tiện truyền thanh, truyền hình, báo

điện tử, ấn phẩm và các hình thức thông tin khác; phòng trưng bày sản phẩm hàng hóa; các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

3. Hoạt động bán hàng thực hiện chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phục vụ tiêu dùng và sản xuất của nhân dân.

4. Hỗ trợ kinh phí gian hàng và các chi phí khác cho các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân của tỉnh tham gia hội chợ, triển lãm thương mại trong và ngoài nước.

5. Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu hàng hóa và dịch vụ địa phương gắn liền với việc đăng ký bản quyền cấp quốc gia và quốc tế.

6. Tổ chức cho cán bộ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, Trung tâm xúc tiến thương mại, các hiệp hội, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân và các doanh nghiệp đi nghiên cứu tìm hiểu, học tập, hợp tác phát triển thị trường thương mại trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy tiêu thụ nông sản thực phẩm, thủy sản, sản phẩm nghề và làng nghề của tỉnh.

7. Tổ chức triển lãm thành tựu phát triển, xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

8. Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại và dịch vụ.

9. Hỗ trợ hoạt động phát triển công nghệ thông tin, thương mại điện tử.

10. Tổ chức lớp đào tạo, tập huấn, hội thảo chuyên đề về: An toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, hàng hóa kinh doanh có điều kiện; nâng cao nghiệp vụ kinh doanh, nghiệp vụ xúc tiến thương mại; tuyên truyền phổ biến chính sách về thương mại của Nhà nước, của tỉnh, hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương mà Việt Nam tham gia.

11. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác xúc tiến thương mại.

12. Kinh phí cho các Ban chỉ đạo của tỉnh tổ chức các hoạt động nhằm phát triển thương mại; kinh phí cho công tác quản lý và sử dụng kinh phí khuyến thương.

#### **Điều 4. Mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến thương**

1. Mức chi hỗ trợ 100%, áp dụng cho các nội dung sau:

a) Chi hỗ trợ cho các nội dung quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 5, khoản 7, khoản 8, khoản 10, khoản 11 Điều 3 Quy định này.

b) Chi hỗ trợ chi phí tổ chức cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh của tỉnh tham gia hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài, gồm: Vận chuyển, bốc xếp và thuê khoán vật tư, vật liệu, hàng hóa, chi phí tuyên truyền, quảng bá; chi phí gian hàng, trang trí thiết kế tổng thể khu vực gian hàng của tỉnh; chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm, thuê hội trường, thiết bị.

c) Chi hỗ trợ chi phí ăn nghỉ, đi lại cho cán bộ được cử đi tham gia quản lý, thuyết minh, giới thiệu quảng bá doanh nghiệp, hàng hóa tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước. Số người được hỗ trợ như sau: Hỗ trợ 01 người cho đoàn dưới 08 doanh nghiệp tham gia hội chợ, hỗ trợ 02 người cho đoàn có từ 08 đến 15 doanh nghiệp tham gia hội chợ và hỗ trợ 03 người với đoàn có từ 16 đến 30 doanh nghiệp tham gia hội chợ.

d) Chi hỗ trợ chi phí tuyên truyền, quảng bá; tổ chức hội thảo, gặp gỡ giao dịch đầu tư, thương mại; thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu; vé máy bay khứ hồi, công tác phí cho công chức, viên chức nhà nước được cử đi nghiên cứu, học tập, hợp tác phát triển thị trường trong và ngoài nước, mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và các quy định có liên quan của Bộ, ngành Trung ương.

đ) Chi hỗ trợ chi phí thuê và dàn dựng gian hàng; chi phí tổ chức chung, gồm: Điện, nước, vệ sinh, bảo vệ cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động bán hàng thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn trong trường hợp không được hỗ trợ từ nguồn kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

e) Chi hỗ trợ chi phí tổ chức cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh của tỉnh tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông sản thực phẩm, thủy hải sản vào các tỉnh, thành phố trong nước, gồm: Chi phí thuê bốc xếp, vận chuyển hàng hóa, chi phí đi lại, lưu trú, sinh hoạt phí cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hội, hiệp hội ngành hàng; mỗi đơn vị 01 người và cán bộ, công chức nhà nước tham gia tổ chức thực hiện liên kết từ 03 đến 05 người.

g) Chi hỗ trợ chi phí tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về thương mại điện tử; tổ chức tập huấn nâng cao trình độ và nghiệp vụ phát triển thương mại điện tử tăng năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

h) Hỗ trợ chi phí đi lại vé tàu, xe vận tải công cộng, vé máy bay khứ hồi, ăn ở cho 01 người và chi phí 01 gian hàng (bao gồm chi phí thuê, dàn dựng gian hàng) đối với doanh nghiệp tự tổ chức tham gia hội chợ ở nước ngoài. Mức hỗ trợ tối đa 150.000.000đồng/doanh nghiệp/lần tham gia hội chợ.

2. Mức chi hỗ trợ 50%, áp dụng cho các nội dung sau:

a) Chi hỗ trợ chi phí thuê gian hàng cho các doanh nghiệp trong tỉnh tham gia hội chợ triển lãm trong tỉnh, trong nước; mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ từ 01 đến 03 gian hàng tiêu chuẩn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 15.000.000 đồng/doanh nghiệp/lần tham gia hội chợ.

b) Chi hỗ trợ chi phí doanh nghiệp trong tỉnh xây dựng trang Website để ứng dụng và phát triển thương mại điện tử. Mức chi không quá 5.000.000 đồng/website/doanh nghiệp.

3. Mức chi hỗ trợ 30% áp dụng cho nội dung: Chi phí thuê và dàn dựng gian hàng; chi phí tổ chức chung, gồm: Điện, nước, vệ sinh, bảo vệ cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động bán hàng thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, trong trường hợp đã được hỗ trợ 70% kinh phí từ nguồn kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

4. Những chi phí không được quy định cụ thể trong quy định này, thực hiện theo văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

## **Điều 5. Nguồn kinh phí khuyến thương**

Kinh phí khuyến thương của tỉnh được hình thành từ các nguồn sau:

1. Ngân sách cấp tỉnh giao theo kế hoạch hàng năm.

2. Tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế.

3. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 6. Trình tự thực hiện hỗ trợ kinh phí khuyến thương**

1. Chậm nhất đến ngày 30 tháng 10 hàng năm, các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện đề án có nhu cầu được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến thương cho năm sau, có đề án đăng ký đề nghị hỗ trợ kinh phí gửi Sở Công Thương.

2. Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thẩm định các đề án khuyến thương, lập biên bản thẩm định, tổng hợp hồ sơ, lập dự toán kinh phí khuyến thương, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày 25 tháng 11 hàng năm.

3. Sở Công Thương giao kinh phí thực hiện đề án đến đơn vị được thụ hưởng kinh phí khuyến thương để tổ chức thực hiện sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh thực hiện các thủ tục cấp phát kinh phí cho các đề án sử dụng kinh phí khuyến thương.

5. Các đơn vị thực hiện đề án sử dụng kinh phí khuyến thương quyết toán kinh phí khuyến thương được sử dụng với Sở Công Thương theo quy định.

6. Sở Công Thương thực hiện kiểm tra, nghiệm thu và quyết toán sử dụng kinh phí khuyến thương với Sở Tài chính.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý kinh phí khuyến thương**

1. Sở Công Thương:

a) Xây dựng chương trình kế hoạch khuyến thương từng giai đoạn và hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Hướng dẫn các đơn vị xây dựng, triển khai thực hiện đề án sử dụng kinh phí khuyến thương.

c) Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án khuyến thương.

d) Tổng hợp đánh giá kết quả sử dụng kinh phí khuyến thương hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan về tình hình kết quả thực hiện đề án.

2. Sở Tài chính:

a) Tổng hợp kế hoạch kinh phí khuyến thương do Sở Công Thương lập, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Chủ trì thẩm định quyết toán kinh phí khuyến thương hàng năm của Sở Công Thương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và chính sách chế độ tài chính hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Công Thương trong triển khai thực hiện đề án khuyến thương.

**Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án sử dụng kinh phí khuyến thương.**

1. Tổ chức triển khai thực hiện đề án theo nội dung đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí đúng quy định.

2. Báo cáo kết quả thực hiện đề án và quyết toán kinh phí khuyến thương đã sử dụng với Sở Công Thương theo quy định của Nhà nước.

3. Có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi trong việc đánh giá, kiểm tra việc thực hiện đề án của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

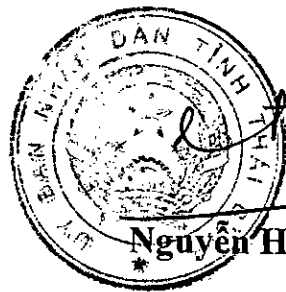
4. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu về nội dung kết quả thực hiện đề án theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Điều khoản thi hành**

1. Sở Công Thương, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các sở, ngành liên quan và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến thương theo quy định của Nhà nước. Trường hợp sử dụng sai mục đích hoặc làm thất thoát, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Diên